

1. PHƯƠNG TIỆN**(VEHICLE)**

Số đăng ký: 72N-3108

(Registration Number)

Loại phương tiện: (Type) ô tô con

Thương hiệu: (Mark) TOYOTA

Mã: (Model code) INNOVA G

Số máy: (Engine Number) 1TR-6339511

Số khung: (Chassis Number) RL4XW43G-879210611

Năm, Nước sản xuất: 2007, Việt Nam

(Manufactured Year and Country)

Dùng để vận tải (Commercial Use) ☐Cải tạo (Modification) ☒**2. THÔNG SỐ KỸ THUẬT****(SPECIFICATIONS)**

Công thức bánh xe: 4x2

(Wheel Formula)

Vết bánh xe: 1510/1510

(Wheel Tread)

Kích thước bao: (Overall Dimension)

4555 x 1770 x 1745

(mm)

Kích thước lồng thùng xe

(Inside cargo container dimension)

(mm)

Chiều dài cơ sở: (Wheelbase) 2750

(mm)

Trọng lượng bản thân: (Kerb mass)

1610 (kg)

Trọng lượng hàng CC theo TK/CP TGGT:

(kg)

(Design/Authorized pay load)

Trọng lượng toàn bộ theo TK/CP TGGT:

2170/2170 (kg)

(Design/Authorized total mass)

Trọng lượng kéo theo TK/CP TGGT:

(kg)

(Design/Authorized towed mass)

Số người cho phép chở: 8 chỗ ngồi, 0 chỗ đứng, 0 chỗ nằm

(Permissible No. of Pers Carried: seat, stood place, laying place)

Loại nhiên liệu: (Type of Fuel Used) Xăng + CNG

Thể tích làm việc của động cơ: (Engine Displacement)

1998 (cm³)

Công suất lớn nhất/tốc độ quay: (Max. output/rpm) 90(kW)/5600vph

Mã sê-ri: (No.) DA-2508097

877539491948

Số lượng lốp, cỡ lốp/trục (Number of tires; Tire size/axle)

1: 2; 205/65R15

2: 2; 205/65R15

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 21 tháng 9 năm 2022

Số phiếu kiểm định

(Inspection Report No)

7201S-24314/22

Có hiệu lực đến hết ngày

20/03/2023

(Issued on: Day/Month/Year)

ĐƠN VỊ KIỂM ĐỊNH

(INSPECTION CENTER)

Có lắp thiết bị giám sát hành trình (Equipped with Tachograph) ☐Có lắp camera (Equipped with camera) ☐Không cấp tem kiểm định (Inspection stamp was not issued) ☐

Ghi chú:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM.
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

CÔNG AN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU
BA RỊA-VUNG TAU PROVINCE'S PUBLIC SECURITY
PHÒNG CẢNH SÁT GIAO THÔNG
THE TRAFFIC POLICE DIVISION

ĐĂNG KÝ XE Ô TÔ

MOTOR VEHICLE REGISTRATION CERTIFICATE

Số (Number): 0002571

Mẫu 01B-ĐB BH theo QĐ
số 753/2005/QĐ-BCA(C11) ngày 15/6/2005 của BCA

Tên chủ xe (Owner's full name):

ON CT CP DVKTDK XN TÀU DVD, KHÍ

Số máy (Engine N°):

1TR6339511

Địa chỉ (Address):

73 Đường 30/4, Thắng Nhất, VTàu

Số khung (Chassis N°):

43G879210611

Nhãn hiệu (Brand):

TOYOTA

Loại xe (Type):

Ôtô con

Màu sơn (Color):

Ghi-Bạc

Năm sản xuất (Year of manufacture):

Tên động cơ (B. of E.):

Dùng tích (Capacity):

Công suất (Horsepower):

Tự trọng (Empty weight):

Kích thước bao: -Dài (Length):

m; Rộng (Width):

m; Cao (Height):

m

Overall dimension

Tải trọng: Số chỗ ngồi (Sit):

08 đứng (Stand):

nằm (Lie):

Hàng hoá:

kg

Gross weight: Seat capacity

Goods:

Đăng ký xe có giá trị đến ngày

tháng

năm

Valid until

date

Biển số đăng ký

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày (chữ)

01 tháng

03 năm

2007

(N° Plate)

72N-3108

Đăng ký lần đầu ngày:

Date of first registration

28/02/2007

Trưởng phòng

Thượng tá Nguyễn Văn Lâm